

NHẬT BẢN: VAI TRÒ VÀ NHỮNG ĐÓNG GÓP ĐỐI VỚI TIẾN TRÌNH HỢP TÁC ASEAN + 3

NGUYỄN THU MỸ*

Được thành lập vào tháng 12 năm 1997, tới nay Hợp tác ASEAN + 3 đã trải qua đúng 10 năm phát triển. Trong 10 năm đó, tiến trình hợp tác này đã có những đóng góp to lớn vào việc thúc đẩy hợp tác đa phương ở Đông Á, hợp tác song phương giữa ASEAN với Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc, ba đối tác của ASEAN + 3 ở Đông Bắc Á.

Điều đáng nói hơn nữa là: dưới tác động của Hợp tác ASEAN + 3, tiến trình Hợp tác Cộng Ba (giữa Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc) đã chính thức được thành lập tại Manila, một trong những thủ đô của ASEAN. Đây là cơ chế hợp tác ba bên đầu tiên và duy nhất ở Đông Bắc Á cho tới hiện nay. Trong khuôn khổ Hợp tác Cộng 3, ba quốc gia hùng mạnh nhất ở Đông Bắc Á, vốn không mấy thân thiện với nhau, thậm chí có khi thù địch nhau, đã bước đầu hợp tác với nhau về các vấn đề kinh tế, mậu dịch, môi trường và cả những vấn đề an ninh phi truyền thống.

Những thành tựu trên của Hợp tác

ASEAN + 3 sẽ không thể có được, nếu không có sự tham gia tích cực, hiệu quả của các đối tác của nó, trong đó có Nhật Bản. Bài viết này sẽ phân tích vai trò và những đóng góp của Nhật Bản đối với Hợp tác ASEAN + 3 trong 10 năm qua và đưa ra một vài nhận xét về vai trò và những đóng góp đó.

I. MỤC ĐÍCH THAM GIA HỢP TÁC ASEAN + 3 CỦA NHẬT BẢN

Như chúng ta biết, ý tưởng xây dựng một tổ chức hợp tác kinh tế khu vực ở Đông Á, dưới hình thức Nhóm Kinh tế Đông Á (EAEC) đã được Thủ tướng Malaixia Mahathia Môhamát đưa ra vào năm 1990. Tuy nhiên, ý tưởng này đã không thể trở thành hiện thực, ngay cả khi ASEAN đã cải biến nó thành EAEC (Diễn đàn Kinh tế Đông Á, nằm trong APEC)⁽¹⁾. Một trong những nguyên nhân chính dẫn tới tình trạng trên là do những ý tưởng đó đã không nhận được sự ủng hộ tích cực của các nước Đông Bắc Á, nhất là

* PGS.TS. Nguyễn Thu Mỹ, Viện Nghiên cứu Đông Nam Á

Nhật Bản. Các nhà lãnh đạo ở Tôkyô đã né tránh EAEG và EAEC của ASEAN vì 3 lý do sau:

Thứ nhất, cho tới trước khi ASEAN + 3 ra đời, Nhật Bản chưa bao giờ coi "Đông Á" như một thực thể về kinh tế. Đối với họ, chỉ có khái niệm "Châu Á - Thái Bình Dương" mà hiện thân của nó là APEC.

Thứ hai, Nhật Bản đã cố tình né tránh khái niệm Đông Á vì họ biết rằng khái niệm này dễ khiến Trung Quốc, Hàn Quốc và các nước Đông Nam Á nhớ tới kế hoạch xây dựng "Khối thịnh vượng chung Đại Đông Á" của phát xít Nhật và cái giá mà các nước đó phải trả cho việc hiện thực hoá kế hoạch đó trong những năm từ 1939 đến 1944.

Cuối cùng, sự từ chối tham gia EAEG và EAEC của Nhật Bản còn do họ chịu sức ép nặng nề của Mỹ, vốn đang kịch liệt phản đối các ý tưởng trên.

Tuy nhiên, vào tháng 12 năm 1997, thái độ của Nhật Bản đối với ý tưởng hợp tác Đông Á đã thay đổi. Tôkyô đã phản ứng tích cực trước lời mời cùng ASEAN hợp thượng đỉnh với Trung Quốc và Hàn Quốc. Sự thay đổi này trước hết là do các nhà lãnh đạo ở Nhật Bản đã nhận thấy rõ hơn vận mệnh chung cùng chia sẻ giữa các nước Đông Á với Nhật Bản. Mặc dù, không bị lôi cuốn trực tiếp vào cuộc khủng hoảng tài chính- tiền tệ châu Á (1997-1998), kinh tế Nhật Bản cũng chịu tác động tiêu cực từ cuộc khủng hoảng trên. Vì thế, cũng như các nước ASEAN, các nhà lãnh đạo ở Tôkyô đã nhận thấy sự cần thiết phải tạo dựng một thể chế hợp tác

riêng của Đông Á để giải quyết các vấn đề của khu vực.

Nguyên nhân thứ hai dẫn tới sự thay đổi trong cách tiếp cận của Nhật Bản đối với Hợp tác Đông Á là do họ đã nhận ra những lợi ích mà tiến trình hợp tác này có thể đem lại cho Nhật Bản, với tư cách là một đối tác thành viên. Những lợi ích đó là:

1. Cơ hội tăng cường ảnh hưởng và quyền lợi ở Đông Nam Á

Đối với Nhật Bản, Đông Nam Á cũng có vai trò cực kỳ quan trọng cả về chiến lược lẫn kinh tế. An ninh quốc gia của Nhật Bản phụ thuộc vào sự an toàn trên các tuyến đường biển quốc tế chạy qua vùng biển Đông Nam Á. Thông qua các con đường này, Nhật Bản xuất khẩu hàng hoá của họ ra bên ngoài và nhập khẩu những hàng hoá cần thiết cho sản xuất và đời sống của nhân dân Nhật. Các tuyến đường biển ở Đông Nam Á cũng là cầu nối căn cứ quân sự của Mỹ ở Okinaoa với các căn cứ ở Guam, tuyến phòng thủ do Mỹ lập ra để đảm bảo an ninh cho Nhật Bản và các đồng minh khác của Mỹ ở Đông Á. Ngoài ra, Đông Nam Á cũng là nơi thuận lợi nhất cho Nhật thể nghiệm vai trò chính trị, trong quá trình vươn lên thành một cường quốc thực thụ, một mục tiêu mà Tôkyô theo đuổi, ngay từ cuối những năm 80 thế kỷ XX.

Về phương diện kinh tế, Đông Nam Á là nơi Nhật Bản có lợi ích rất to lớn. Khu vực này không chỉ là thị trường đầu tư, thị trường hàng hoá, nguồn cung cấp nguyên liệu, đặc biệt là dầu mỏ cho nền kinh tế

Nhật Bản mà còn là nơi các doanh nghiệp trẻ Nhật Bản tập dượt, trước khi bước vào kinh doanh ở những thị trường lớn và phức tạp hơn.

Do những giá trị trên của Đông Nam Á, chính phủ Nhật Bản luôn xem việc phát triển quan hệ với các nước trong khu vực này là ưu tiên hàng đầu trong chính sách châu Á của họ.

Tuy nhiên, cũng như với Trung Quốc, trong quan hệ với Nhật Bản, các nước ASEAN vẫn luôn nghi ngờ ý đồ của Tôkyô đối với khu vực của mình. Nhật Bản hiểu được mối lo ngại đó. Họ cũng hiểu rằng các nước ASEAN muốn đưa Nhật Bản vào một khuôn khổ đa phương để vừa kiểm chế Nhật Bản, vừa để lợi dụng họ kiểm chế Trung Quốc. Nhưng, nếu Nhật Bản không chấp nhận hợp thượng đỉnh với ASEAN, Hàn Quốc và Trung Quốc, sự nghi ngờ của ASEAN đối với họ sẽ tăng lên hơn nữa. Điều này là bất lợi cho Tôkyô, nhất là vào lúc họ đang muốn nhảy vào lấp "chỗ trống quyền lực" do Mỹ để lại, sau khi rút các lực lượng quân sự khỏi khu vực này. Với việc tham gia vào sáng kiến hợp tác Đông Á của ASEAN, Tôkyô không chỉ làm hài lòng các nhà lãnh đạo Đông Nam Á mà còn có cơ hội tăng cường hơn nữa ảnh hưởng và quyền lợi trong khu vực. Hơn nữa, nếu Nhật Bản cứ tiếp tục quay lưng với hợp tác Đông Á, họ có thể bị gạt ra ngoài tiến trình hợp tác khu vực do ASEAN khởi xướng. Trung Quốc sẽ có thêm cơ hội thuận để tăng cường ảnh hưởng của họ ở Đông Nam Á.

2. Thông qua Hợp tác ASEAN + 3, tăng

cường quan hệ với Trung Quốc, Hàn Quốc và nâng cao vai trò của Nhật Bản ở Đông Bắc Á

Tham gia vào Hợp tác ASEAN + 3, Nhật Bản còn có điều kiện thuận lợi để cải thiện quan hệ với hai nước láng giềng gần gũi ở Đông Bắc Á, đặc biệt là Trung Quốc.

Đối với Nhật Bản, quan hệ với Trung Quốc có vai trò cực kỳ quan trọng.

Về phương diện kinh tế, sự phát triển kinh tế nhanh chóng của Trung Quốc từ nửa sau những năm 90 thế kỷ XX đã tạo ra nhiều cơ hội cho sự phát triển của các công ty Nhật. Hiện nay, hầu hết các công ty lớn của Nhật Bản đều đã đầu tư vào nền kinh tế Trung Quốc. Nhật Bản là nhà đầu tư nước ngoài lớn thứ ba ở Trung Quốc sau Hoa kiều và Mỹ. Năm 2004, tổng giá trị đầu tư của Nhật Bản vào Trung Quốc đạt giá trị 6 tỷ Đô la Mỹ⁽²⁾.

Năm 2004, Trung Quốc thay thế Mỹ trở thành thị trường xuất khẩu lớn nhất của Nhật Bản. Mậu dịch hai chiều đạt 200 tỷ năm 2004, trong đó thặng dư thương mại của Nhật đạt 20 tỷ. Buôn bán với Trung Quốc chiếm 20 % tổng buôn bán quốc tế của Nhật⁽³⁾.

Những số liệu trên cho thấy quan hệ kinh tế với Trung Quốc đã trở thành một nguồn lực quan trọng để phục hồi và duy trì sự tăng trưởng của nền kinh tế Nhật Bản.

Về phương diện chính trị, một quan hệ tốt với Trung Quốc có thể giúp Nhật có được sự ủng hộ của nước này trong nỗ lực trở thành uỷ viên của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, mục tiêu mà Nhật Bản theo đuổi, kể từ khi chiến tranh lạnh kết

thúc tới nay.

Về phương diện an ninh, quan hệ hoà dịu với Trung Quốc sẽ khiến Nhật giảm bớt sự phụ thuộc an ninh vào Mỹ và cải thiện hơn nữa hình ảnh của Nhật Bản với tư cách là một quốc gia có trách nhiệm ở châu Á, trong con mắt của các nước đang phát triển ở châu Á nói chung, Đông Nam Á nói riêng.

Mặc dù quan hệ với Trung Quốc có tầm quan trọng như vậy, nhưng cho tới gần đây, quan hệ giữa hai quốc gia Đông Bắc Á này luôn trong tình trạng căng thẳng. Tình trạng căng thẳng đó là do 4 nguyên nhân chính sau:

i. Quan hệ an ninh chặt chẽ của Nhật Bản với Mỹ sau khi chiến tranh lạnh kết thúc được Trung Quốc nhìn nhận là nhằm kiềm chế Trung Quốc

ii. Tranh chấp lãnh thổ, lãnh hải giữa hai nước ở vùng biển Hoa Đông⁽⁴⁾.

iii. Chính sách của Nhật Bản đối với Đài Loan khiến Trung Quốc bất bình⁽⁵⁾.

iv. Cạnh tranh Trung - Nhật về vai trò lãnh đạo châu Á.

Trong bối cảnh như vậy, việc tham gia vào Hợp tác ASEAN + 3 sẽ tạo thêm cơ hội cho Nhật Bản xích lại gần Trung Quốc để cùng nước này tìm kiếm các giải pháp nhằm tháo gỡ dần những cản trở trong quan hệ giữa hai bên.

Hợp tác ASEAN cũng tạo điều kiện giúp Nhật Bản phát triển hơn nữa quan hệ với Hàn Quốc, vốn đang bất bình với Tôkyô về cách nhìn nhận hành động của quân đội Nhật Bản ở Triều tiên trong

Chiến tranh thế giới thứ hai.

II. VAI TRÒ VÀ NHỮNG ĐÓNG GÓP CỦA NHẬT BẢN TRONG HỢP TÁC ASEAN + 3

1. Vai trò của Nhật trong quá trình hoạch định đường lối phát triển của Hợp tác ASEAN+3

Sự thay đổi trong lập trường của Nhật đối với Hợp tác Đông Á đã góp phần quan trọng dẫn tới sự ra đời của Hợp tác ASEAN + 3. Tuy vậy, trong hai năm đầu tham gia vào tiến trình hợp tác này, vai trò của Nhật chưa thật nổi trội. Ưu tiên hợp tác của Nhật Bản được dành cho tiến trình ASEAN+ 1 giữa họ và ASEAN. Điều này là do Nhật Bản vẫn lo ngại phản ứng của Mỹ. Sự tham gia của Nhật vào tiến trình Hợp tác ASEAN + 3 chỉ là miễn cưỡng. Từ sau 1998, khi Oasinhton đã cho thấy họ không phản đối sự tham gia của Nhật Bản vào Hợp tác ASEAN + 3, Tôkyô đã trở nên năng động hơn và đóng vai trò ngày càng quan trọng đối với sự phát triển của tiến trình hợp tác này, đặc biệt là từ khi ông Koizumi trở thành Thủ tướng Nhật Bản vào năm 2001.

Là người chịu ảnh hưởng mạnh mẽ khuynh hướng dân tộc chủ nghĩa trong nền chính trị Nhật Bản, sau khi lên cầm quyền, Thủ tướng Koizumi đã thực thi chiến lược "đuổi kịp về chính trị". Chiến lược này gồm 3 bước:

Bước 1, nhanh chóng đột phá các khó khăn để trở thành Ủy viên Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc: sửa đổi hiến pháp, hoàn thiện hệ thống lập pháp và làm phong

phú thêm các hình thức ngoại giao

Bước 2, từ bỏ khái niệm “từ bỏ châu Á, tiến vào châu Âu”, tham gia tích cực vào các vấn đề của khu vực.

Bước 3, kiềm chế Trung Quốc phát triển kinh tế nhanh, tránh không cho Trung Quốc phát triển, trước khi Nhật thành cường quốc chính trị.

Trong chiến lược “Đuổi kịp về chính trị”, vị trí của Đông Á và Đông Nam Á đã trở nên quan trọng hơn bao giờ hết. Tuy nhiên, vào lúc Nhật Bản triển khai chiến lược trên, tình hình Đông Á đã có những thay đổi bất lợi cho họ. Với những hoạt động tích cực và năng động thông qua tiến trình ASEAN+ 1, ảnh hưởng của Trung Quốc ở Đông Nam Á và trong Hợp tác ASEAN + 3 đang tăng lên rất nhanh chóng.

Trong bối cảnh đó, để nâng cao vị thế của Nhật Bản trong khu vực và cạnh tranh vai trò lãnh đạo Đông Á với Trung Quốc, Nhật Bản đã điều chỉnh chính sách đối với Hợp tác Đông Á. Chính sách Đông Á mới của Nhật Bản được phản ánh trong bài diễn văn của Thủ tướng Koizumi nhan đề “Nhật Bản và ASEAN - Một quan hệ đối tác chân thành và cởi mở” đọc tại Xingapo ngày 14/2/2002, nhân kết thúc chuyến thăm các nước ASEAN. Mục tiêu của chính sách đó là xây dựng một “cộng đồng hành động cùng nhau và tiến lên cùng nhau”⁽⁶⁾, mở cửa, hợp tác chặt chẽ với các nước ngoài khu vực. Để đạt được mục tiêu đó, Nhật Bản cho rằng cần “mở rộng Hợp tác Đông Á đặt nền tảng trên quan hệ Nhật Bản - ASEAN”⁽⁷⁾ và thực hiện một số biện pháp sau:

- Sử dụng một cách tốt nhất khuôn khổ ASEAN + 3.

- Làm sâu sắc hơn quan hệ của Nhật với Trung Quốc và Hàn Quốc, coi đó là một lực lượng quan trọng để xây dựng Cộng đồng Đông Á.

- Tăng cường quan hệ đối tác kinh tế khu vực. Ngoài ACFTA, cần thúc đẩy FTA giữa ASEAN với Úc và Niu Dilân.

- Thúc đẩy và làm sâu sắc hơn quan hệ song phương giữa các nước thành viên.

Quan điểm về EAC của Nhật Bản có bốn điểm khác với quan điểm của EAVG và EASG:

Một là, trong khi các đối tác khác của ASEAN + 3 đều nhất trí rằng ASEAN + 3 đóng vai trò nòng cốt trong việc xây dựng Cộng đồng Đông Á, Nhật Bản lại cho rằng vai trò đó thuộc về quan hệ Nhật Bản - ASEAN. Điều này cho thấy ý đồ chia sẻ quyền lãnh đạo Hợp tác Đông Á với ASEAN của các nhà lãnh đạo Nhật Bản⁽⁸⁾.

Hai là, Nhật Bản nhấn mạnh vai trò của tiến trình Cộng 3 và vai trò của 3 nước Đông Bắc Á trong quá trình xây dựng EAC.

Ba là, về vấn đề thành viên của EAC: quan điểm chung của các đối tác ASEAN là EAC sẽ chỉ bao gồm các nước Đông Bắc Á và Đông Nam Á. Nhưng theo ông Koizumi, “ASEAN, Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc, Úc, Niu Dilân sẽ là thành viên hạt nhân của Cộng đồng đó”⁽⁹⁾.

Điểm khác biệt cuối cùng trong quan điểm của Nhật là mối quan hệ giữa Cộng đồng Đông Á và Mỹ. Theo Nhật Bản, “vai

trò của Mỹ là không thể bỏ qua"⁽¹⁰⁾ trong quá trình xây dựng EAC, vì những đóng góp của Mỹ đối với an ninh khu vực và tầm cỡ sự phụ thuộc lẫn nhau về kinh tế của họ với khu vực.

Các quan điểm trên của Nhật Bản về Cộng đồng Đông Á nhìn chung là tích cực, nhất là quan điểm về vai trò của Tiến trình Cộng 3. Nhưng quan điểm về thành viên của EAC đã gây phức tạp cho quá trình chuẩn bị cho EAS - 1. Tuy nhiên, sau những thảo luận trong nội bộ các đối tác thành viên của ASEAN + 3, quan điểm trên đã được Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN + 3 lần thứ 8 chấp nhận. Úc và Niu Di lân đã được mời tham gia EAS - 1 và trở thành 2 trong 16 thành viên sáng lập của tiến trình này.

2. Vai trò của Nhật trong quá trình thực hiện các biện pháp thúc đẩy Hợp tác Đông Á của EASG

Cùng với việc tích cực tham gia vào việc hoạch định đường lối phát triển của Hợp tác ASEAN + 3, ngay từ trước khi các biện pháp do EASG đề xuất được chính thức đưa vào chương trình nghị sự của Hợp tác ASEAN + 3, Nhật Bản đã tích cực đề xuất và tham gia vào việc thực hiện một số biện pháp trên.

Trong cơ chế ASEAN + 3, Nhật Bản đã đề xuất nhiều sáng kiến hợp tác đa phương như sáng kiến thành lập Quỹ tiền tệ châu Á; sáng kiến "ASEAN điện tử"; sáng kiến tổ chức "Hội thảo chung giữa các quan chức chính phủ, các học giả xuất chúng và các lãnh đạo kinh doanh

về hợp tác công nghệ thông tin (IT) ở Đông Á"... Gần đây nhất là Sáng kiến Lập Dự Án về Trung tâm châu Á kiểm soát ký sinh trùng quốc tế đặt tại Thái Lan nhằm phát triển nguồn nhân lực và xây dựng mạng lưới....

Cùng với việc đề xuất các sáng kiến cụ thể, Nhật Bản còn xúc tiến thực hiện một số biện pháp ngắn hạn như Sáng kiến Chiang mai (CMI). Cho tới năm 2003, Nhật đã ký các hiệp định hoán đổi tiền tệ với 7 nước Đông Á với tổng số tiền lên tới 25,4 tỷ đô la Mỹ⁽¹¹⁾.

Trong khuôn khổ APT, Nhật Bản đặc biệt coi trọng cơ chế ASEAN + 1. Bởi vì, đối với Nhật Bản, quan hệ với ASEAN "là hạt nhân của Hợp tác khu vực ở Đông Á"⁽¹²⁾. Do vậy, phát triển quan hệ ASEAN - Nhật Bản cũng chính là thúc đẩy Hợp tác Đông Á. Trong cơ chế này, Nhật Bản đã cùng với ASEAN triển khai nhiều biện pháp hợp tác do EASG đề ra, đặc biệt là hai biện pháp xây dựng EAFTA và tổ chức EAS - 1

Về EAFTA, các nhà lãnh đạo Tôkyô không mấy mặn mà với ý tưởng trên. Điều này có lẽ là do EAFTA là ý tưởng của Hàn Quốc và đang được Trung Quốc tích cực thúc đẩy. Để thực hiện EAFTA, Nhật Bản chủ trương xây dựng Quan hệ đối tác kinh tế toàn diện Nhật Bản - ASEAN (AJCEP). Mục đích của việc xây dựng AJCEP không chỉ nhằm thúc đẩy quan hệ hợp tác kinh tế giữa Nhật Bản và ASEAN mà còn "...cần phục vụ như một mô hình liên kết kinh tế ở Đông Á"⁽¹³⁾. Về thực chất, AJCEP cũng là một thỏa thuận tự do mậu dịch và đầu tư, nhưng phạm vi hợp tác

của nó rộng lớn hơn. Do vậy, đối với ASEAN, sức hấp dẫn của AJCEP lớn hơn một FTA thông thường.

Để xây dựng AJCEP, Nhật Bản đã áp dụng cách tiếp cận hai tốc độ:

Xây dựng các FTA song phương với các nước thành viên ASEAN trước đồng thời xúc tiến đàm phán để tiến tới xây dựng AJCEP với ASEAN, với tư cách một tổng thể. Sở dĩ, Tokyo lựa chọn cách tiếp cận này về FTA vì họ muốn bảo vệ khu vực nông nghiệp, vốn là lợi ích của nông dân Nhật Bản⁽¹⁴⁾. Cách tiếp cận FTA trên không được ASEAN hoan nghênh. Bởi vì, điều mà ASEAN mong muốn là một FTA giữa Nhật Bản với cả khối ASEAN.

Để xúc tiến xây dựng AJCEP, trong những năm qua, hai bên đã bắt đầu triển khai kế hoạch xây dựng AJCEP trên cả hai cấp độ song phương và đa phương. Cho tới nay Nhật Bản đã ký Quan hệ đối tác kinh tế toàn diện với một số nước thành viên ASEAN như Xingapo, Malaixia. Các cuộc thương thảo về CEP với Indônêxia, Philíppin, Thái Lan đang được xúc tiến.

Việc triển khai xây dựng AJCEP giữa Nhật Bản và ASEAN với tư cách một tổng thể cũng đang được thúc đẩy. Cho tới cuối năm 2006, đã có 5 vòng đàm phán về AJCEP được Ủy ban chung ASEAN- Nhật Bản về Quan hệ đối tác kinh tế toàn diện tiến hành. Các cuộc thảo luận đã đi tới sự nhất trí về một ý tưởng cơ bản là: "một danh mục chung, một lộ trình chung và những nguyên tắc xuất xứ chung". Trên cơ sở các kết quả đạt được từ quá trình xây

dựng AJCEP, tại Hội nghị thượng đỉnh ASEAN- Nhật Bản lần thứ 10 tổ chức ở Cebu tháng Giêng năm 2001, hai bên đã thoả thuận tiến hành nghiên cứu ở Kênh hai về Quan hệ đối tác kinh tế toàn diện Đông Á (CEPEA).

Đối với sáng kiến triệu tập EAS, Nhật Bản cũng nhiệt liệt hưởng ứng. Bởi vì, sáng kiến đó giúp Nhật Bản thực hiện được các ý tưởng về Hợp tác Đông Á do Thủ tướng Koizumi đề xuất. Do vậy, ngay trước khi diễn ra EAS, Thủ tướng Koizumi đã tuyên bố rằng Nhật Bản sẽ sử dụng EAS để thiết lập khuôn khổ trợ giúp phát triển khu vực. Khuôn khổ này được xây dựng trên 3 nguyên tắc:

- Mở cửa khu vực;

- Tôn trọng các giá trị chung về dân chủ, nhân quyền và các quy chế buôn bán toàn cầu của WTO;

- Thúc đẩy hợp tác thiết thực về các vấn đề kinh tế xã hội và các lĩnh vực an ninh phi truyền thống⁽¹⁵⁾.

Dựa trên những nguyên tắc trên, Nhật Bản đã tham gia tích cực vào việc chuẩn bị cho EAS-1.

Về thành viên EAS-1: Nhật Bản đề nghị cho Úc, Niu Di lân tham gia vào EAS. Ngoài ra, Tokyo còn gợi ý mời Mỹ tham dự với tư cách quan sát viên. Nguyên nhân đằng sau gợi ý của Nhật về thành viên EAS là họ muốn làm vừa lòng Mỹ và có thêm đồng minh trong tiến trình Thượng đỉnh để kiềm chế Trung Quốc và hạ thấp vai trò của ASEAN + 3, nơi ảnh hưởng của Trung Quốc đang chiếm ưu thế.

Trong tiến trình Cộng 3, đóng góp của

Nhật Bản nổi trội hơn hai đối tác Đông Bắc Á khác của ASEAN + 3. Với việc đề xuất hợp Thượng đỉnh Cộng 3 ở Manila 1999, Nhật Bản đã trở thành nước sáng lập ra tiến trình thượng đỉnh này. Với sự ra đời của Thượng đỉnh Cộng 3, Nhật Bản đã góp phần hoàn tất việc xây dựng khuôn khổ APT, tạo cơ hội hợp tác và phối hợp chính sách giữa các nước Đông Bắc Á trong quan hệ với ASEAN và các nước thành viên của nó.

Từ khi Hợp tác Cộng 3 được thành lập tới nay, Nhật Bản đã có những đóng góp không nhỏ. Mặc dù không đáp ứng tích cực đối với sáng kiến thiết lập FTA giữa 3 nước Đông Bắc Á do Thủ tướng Chu Dung Cơ đưa ra tại Hội nghị Thượng đỉnh Cộng 3 họp ở Xingapo năm 2000⁽¹⁶⁾, nhưng vào tháng 10/2003, Nhật Bản và Hàn Quốc thoả thuận xúc tiến đàm phán một FTA song phương vào năm 2003 và hoàn thành trước khi kết thúc 2005⁽¹⁷⁾. Việc thành lập JAFTA được các nhà lãnh đạo Tôkyô “xem như là những viên đá tảng để tạo ra một Khu vực kinh tế Đông Á”.

3. Đánh giá về vai trò của Nhật Bản trong Hợp tác ASEAN + 3

Nhìn lại những đóng góp của Nhật Bản đối với tiến trình Hợp tác ASEAN + 3 có thể thấy nước này đã đóng vai trò rất quan trọng đối với sự ra đời và phát triển của của tiến trình hợp tác này trong suốt 10 năm qua.

Những đóng góp của Nhật Bản được thực hiện trong tất cả các cơ chế của khuôn khổ APT. Tuy nhiên, đóng góp

quan trọng nhất của nước này là ở các cơ chế ASEAN + 1 và Cộng Ba.

Trong khi phần lớn các hoạt động của Nhật trong Hợp tác ASEAN đã tạo ra lực đẩy cho sự phát triển của tiến trình này, thì không ít hoạt động của Tôkyô lại kìm hãm nó. Cạnh tranh vai trò lãnh đạo với Trung Quốc, cách tiếp cận FTA với ASEAN không chỉ làm phức tạp hơn quá trình hiện thực hoá EAFTA mà còn làm nghiêm trọng hơn xu hướng li tâm trong nội bộ ASEAN./.

CHÚ THÍCH

1. Để hiểu rõ hơn về EAEG và EAEC, có thể tham khảo bài viết của chúng tôi nhan đề: “*Quá trình hình thành ý tưởng Hợp tác Đông Á*” Bài đăng trên Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, Số 3/2007
2. Dẫn theo bài: “*Sự phụ thuộc lẫn nhau về kinh tế giữa Nhật Bản và Trung Quốc*” đăng trên Thời báo Seoul. Thông tấn xã Việt Nam dịch và đăng trên “*Tài liệu tham khảo đặc biệt*” ngày 20/10/2005. tr.2
3. *Tin Tham khảo thế giới* ngày 12/4/2005. Tr.13
4. Biển Hoa Đông nằm giữa khu vực Trung Quốc đại lục và đảo Ryukyu của Nhật. Phía Bắc giáp Triều Tiên, chiều dài 700 hải lý, chiều rộng dài 300 hải lý, chỗ hẹp nhất 167 hải lý. Mặc dù, diện tích tranh chấp giữa bên ở vùng biển này không lớn, nhưng tài nguyên thiên nhiên ở khu vực này, nhất là dầu mỏ, lại rất giàu có. *Báo Thái Dương* số ra 15/7/2005 cho biết: Theo tính toán của Trung Quốc, trữ lượng dầu lửa ở Hoa Đông vào khoảng 25 nghìn tỷ tấn, gấp khoảng 80 lần số lượng dầu tiêu thụ của Trung Quốc năm 2004 (0.3 tỷ tấn). Trữ lượng khí đốt khoảng 8.400 tỷ tấn. Theo Công ước biển năm 1982, các nước có

biển đều dựa vào vùng biển cơ bản để tính khu vực đặc quyền kinh tế rộng 200 hải lý. Nhưng do Trung Quốc và Nhật Bản có chung vùng biển 210 hải lý nên việc áp dụng nguyên tắc trên sẽ chồng lấn vào nhau. Do vậy phải phân định ranh giới.

Năm 1996, khi Công ước biển có hiệu lực, Hai nước đã tiến hành đàm phán về phân định ranh giới. Sau mười mấy vòng đàm phán tới 2004, thành quả duy nhất là "Hiệp định đánh cá Bắc Kinh - Tôkyô" có hiệu lực từ ngày 1/6/2000. Sự phân định trong Hiệp định chỉ là tạm thời. Xem thêm: *Tài liệu tham khảo đặc biệt ngày 28 tháng 9 năm 2005*

5. Trong lịch sử Nhật Bản đã từng thống trị Đài Loan 50 năm. Cho tới hiện nay ảnh hưởng và lợi ích của Nhật Bản ở hòn đảo này vẫn còn rất lớn. Mặc dù đã tuyên bố thi hành chính sách "Một Trung Quốc", nhưng Nhật Bản vẫn muốn duy trì Đài Loan như là vùng đệm giữa họ với Trung Quốc.

6, 7. Tài liệu trên. Tr.5

8. Quan điểm trên về vai trò lãnh đạo trong Hợp tác ASEAN + 3 của Nhật Bản đã thay đổi. Trong Tuyên bố của chủ tịch Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN - Nhật Bản lần thứ 9 họp ở Cuala Lämpơ tháng 12/2005. Thủ tướng Nhật tuyên bố "Nhật Bản hoàn toàn ủng hộ những đóng góp ngày càng tích cực của ASEAN đối với Hợp tác khu vực ở Đông Á, đặc biệt thông qua vai trò của nó với tư cách là lực lượng chèo lái cũng như những sáng kiến năng động của nó trong việc thúc đẩy hội nhập ASEAN".

Xem: Joint Statement of the Ninth ASEAN - Japan Summit. Deepening and Broadening of ASEAN - Japan Strategic Partnership. Kuala Lumpur 13 December 2005

9, 10. Tài liệu trên. Tr.5

11. Soesastro(2003). Table 2.P.18&ADB (2003). P.1

12. Speech by Prime Minister of Japan Junichiro Koizumi: at ASEAN Business and Investment Summit on October 7, 2003. Tr.2

13. Speech by Prime Minister of Japan Junichiro Koizumi: at ASEAN Business and Investment Summit on October 7, 2003. Tr.2

14. Theo tính toán của Bộ Nông - Lâm, Ngư nghiệp Nhật Bản, nếu dỡ bỏ thuế nhập khẩu nông sản nước này sẽ phải gánh chịu những hậu quả sau:

- Thiệt hại tới 3.600 tỷ Yên, (30 tỷ đô la Mỹ), tương đương 42 % tổng sản lượng nông nghiệp của Nhật.

- 3,75 triệu nông dân và những người làm trong các ngành liên quan tới nông nghiệp sẽ mất việc, chiếm khoảng 5.5 % lực lượng lao động của cả nước.

- Tỷ lệ tự túc lương thực của Nhật sẽ giảm từ 40 % xuống còn 12 %. GDP của Nhật sẽ giảm khoảng 9.000 tỷ Yên (75 tỷ đô la Mỹ).

- Hơn 1/2 diện tích nông nghiệp sẽ bị bỏ hoang; Các vùng nông nghiệp ở Hokkaido, Tôhku, Shikoku và Kyushu sẽ bị ảnh hưởng mạnh, các cộng đồng ở đó sẽ bị tan rã

Hiện chính phủ Nhật Bản đang xem xét các biện pháp giảm thiệt hại cho nông dân. Một trong những biện pháp đang được xem xét là thanh toán trực tiếp cho nông dân. Như vậy cần tới 2.500 tỷ Yên (khoảng 20,8 tỷ đô la Mỹ), nhưng nông dân vẫn thiệt thòi và quy mô nông nghiệp của Nhật sẽ nhỏ hơn 1000 lần quy mô của Mỹ và Úc

Xem thêm: *Nhật Bản sẽ thiệt hại khoảng 30 tỷ đô la nếu dỡ bỏ thuế nhập khẩu nông sản (TTXVN, Tôkyô ngày 2/3/2007. Tin kinh tế 3/3/2007. tr.7*

15. Dẫn theo Đại Công báo số ra 21/12/2005. Xem: TLTKDB số ra 26/12/2005. Tr 6

16. Đáp lại đề nghị này, Nhật Bản bày tỏ quan điểm rằng "bước đầu tiên theo hướng đó nên là sự khẳng định tuân thủ của Trung Quốc với các cam kết khi gia nhập WTO và FTA Trung Quốc, Nhật Bản và ROK cần được nghiên cứu từ quan điểm trung và dài hạn. Đối với thời gian hiện nay, việc nghiên cứu cần được thúc đẩy giữa các tổ chức nghiên cứu của 3 nước

17. *Nihon Kei zai Shimbun*, 10/2003